| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 - NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 100/2026/HNGĐ - ST<br>Ngày: 13 - 02 - 2026<br>V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Trọng Ích

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Chạc
2. Bà Dương Thị Vui

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2025/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về vụ án kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-TCDS ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm A, xã H, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm A, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị C, anh H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị C vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của chị C tại các buổi làm việc với Toà án thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 12/12/2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình). Sau khi được cấp đăng ký kết hôn cuộc sống của vợ chồng về thường xuyên cãi vã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị C và anh H đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, vợ chồng chung sống

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Trần Thị C xác định vợ chồng có có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Văn C1, sinh ngày 02/7/2007. Hai con đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết viêc cấup dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị C xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị C đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt. Nội dung bản tự khai và các buổi làm việc với Tòa án anh H thể hiện: Anh thống nhất thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị C trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân từ năm 2012. Nay chị C đề nghị ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Văn C1, sinh ngày 02/7/2007 cả hai con chung đủ 18 tuôi đã trưởng thành.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị C đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình). Chị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh H và được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị C, anh Nguyễn Văn H vắng mặt, chị C và anh H đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị C, anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn H vào tháng 02 năm 2003 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp

luật. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh H có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét việc xin ly hôn của chị C và quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn của anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Nguyễn Văn C1, sinh ngày 02/7/2007. Hiện tại các con đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Chị C và anh H không đề nghị giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số 0003976 ngày 30/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- UBND xã Hải Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu án văn

**Trần Trọng Ích**